



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính : *Đồng Việt Nam*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>267,366,956,378</b>	<b>249,104,195,690</b>
I. Tiền & Các khoản tương đương tiền	110	V.01	55,060,279,045	17,180,099,024
1. Tiền	111		1,360,279,045	392,053,024
2. Các khoản tương đương tiền	112		53,700,000,000	16,788,046,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	7,000,000,000	10,650,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7,000,000,000	10,650,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	36,851,227,039	56,571,664,325
1. Phải thu khách hàng	131		35,035,640,946	46,523,035,351
2. Trả trước cho người bán	132		54,482,360	8,123,106,060
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		20,091,756	20,091,756
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		4,005,605,483	4,170,024,664
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,264,593,506)	(2,264,593,506)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	167,326,140,810	162,289,432,101
1. Hàng tồn kho	141		167,326,140,810	162,289,432,101
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,129,309,484	2,413,000,240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		238,154,380	350,673,459
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		789,955,104	1,846,158,081
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		101,200,000	216,168,700
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>132,547,538,068</b>	<b>130,572,070,231</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.06	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

*Đơn vị tính : Đồng Việt Nam*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		3,262,196,966	3,222,648,145
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	3,247,196,966	3,198,648,145
- Nguyên giá	222		7,650,507,457	7,778,025,048
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,403,310,491)	(4,579,376,903)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	15,000,000	24,000,000
- Nguyên giá	228		234,000,000	255,821,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(219,000,000)	(231,821,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	22,686,435,765	20,576,148,088
1. Nguyên giá	241		44,114,546,250	41,020,045,523
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(21,428,110,485)	(20,443,897,435)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	105,696,222,488	106,690,702,488
1. Đầu tư vào công ty con	251		38,060,000,000	38,060,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		83,579,809,154	84,574,289,154
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(15,943,586,666)	(15,943,586,666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		902,682,849	82,571,510
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	902,682,849	82,571,510
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>399,914,494,446</b>	<b>379,676,265,921</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính : *Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118,339,291,083</b>	<b>101,235,175,700</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114,658,160,190</b>	<b>98,007,827,289</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		1,500,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		2,564,190,501	2,533,734,591
3. Người mua trả tiền trước	313		17,384,470,503	946,223,658
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2,808,801,922	1,248,523,710
5. Phải trả người lao động	315		149,207,547	
6. Chi phí phải trả	316	V.17	80,986,133	69,750,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn kh	319	V.18	84,482,040,024	83,285,003,319
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	7,188,463,560	8,424,592,011
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3,681,130,893</b>	<b>3,227,348,411</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	3,281,085,851	3,156,451,308
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		43,690,284	43,690,284
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		356,354,758	27,206,819
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>281,575,203,363</b>	<b>278,441,090,221</b>
<b>I. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>281,575,203,363</b>	<b>278,441,090,221</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141,203,090,000	141,203,090,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95,682,643,118	95,682,643,118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(13,376,358,507)	(9,603,086,062)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20,020,281,004	17,234,915,658
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		20,302,454,907	19,188,308,768
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17,743,092,841	14,735,218,739
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>399,914,494,446</b>	<b>379,676,265,921</b>


### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		629,702,728	629,702,728
5. Ngoại tệ các loại		5,099.29	71,020.05
Dollar Mỹ (USD)		5,099.29	71,020.05
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

  
NGUYỄN THANH NHỰT

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

  
QUÁCH TOÀN BÌNH

Lập ngày 09 tháng 10 năm 2012

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

  
NGUYỄN NGỌC HẠNH



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý III năm 2012

Đơn vị tính: **Đồng Việt Nam**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		58,469,467,594	99,826,098,411
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(15,655,966,100)	(32,111,261,908)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,249,335,711)	(2,909,097,192)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(35,791,667)	(122,574,831)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3,638,676,199)	(12,004,275,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8,137,940,676	3,423,871,973
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6,780,790,841)	(24,774,435,872)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>38,246,847,752</b>	<b>31,328,325,581</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(573,574,061)	(243,168,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		52,379,220	254,534,500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17,300,000,000)	(800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24,350,000,000	24,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25			(17,210,380,200)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		9,000,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,729,425,055	3,533,121,369
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>24,258,230,214</b>	<b>9,534,107,669</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,773,272,445)	(9,603,086,062)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18,800,000,000	25,100,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20,300,000,000)	(35,100,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19,351,625,500)	(20,702,028,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(24,624,897,945)</b>	<b>(40,305,114,562)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>37,880,180,021</b>	<b>557,318,688</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17,180,099,024	10,701,427,063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>55,060,279,045</b>	<b>11,258,745,751</b>

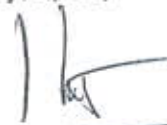
Lập, ngày 09 tháng 10 năm 2012

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



NGUYỄN THANH NHỰT

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



QUÁCH TOÀN BÌNH



Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN NGỌC HẠNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2012

### I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- 1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- 2- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ, kinh doanh XNK và bất động sản.
- 3- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất gia công ba lô, túi xách, giày da, hàng may mặc, chế biến thực phẩm, bao bì.  
Kinh doanh XNK, thương mại, dịch vụ, cho thuê văn phòng, nhà ở và kinh doanh bất động sản.
- 4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.
- 5- Tổng số cán bộ, nhân viên : 39 người

### II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Tiền đồng Việt Nam

### III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống các chuẩn mực Kế toán Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:
  - Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán số 21 - "Trình bày báo cáo tài chính" và chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.
  - Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ các quy định của chuẩn mực kế toán số 27 - "Báo cáo tài chính giữa niên độ" và chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành.
- 3- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung

### IV- Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền : Là các chứng thư có giá trị thuộc quyền sở hữu của Công ty như kỳ phiếu ngân hàng, tin phiếu kho bạc, hối phiếu thương mại, v.v... có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua hoặc nhận, được thể hiện một phần trong số dư Nợ cuối kỳ  
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
  - Đồng tiền sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam. Việc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền Việt Nam được áp dụng theo phương pháp lấy tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh của Ngân hàng đang giao dịch.
- 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá thực tế mua hàng
  - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : bình quân gia quyền
  - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
  - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho" của Bộ Tài chính ban hành.

- 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:
  - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính) : theo giá thực tế hình thành tài sản
  - Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính) : theo đường thẳng
- 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư
  - Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : *Bất động sản đầu tư được ghi nhận là tài sản phải đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau theo Chuẩn mực kế toán số 05 - "Bất động sản đầu tư":*
    - a. *Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;* và
    - b. *Nguyên giá của bất động sản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy.*
  - Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: *Sau khi được ghi nhận là tài sản, bất động sản đầu tư được tính khấu hao theo Chuẩn mực kế toán số 03 - "TSCĐ hữu hình" và Chuẩn mực kế toán số 04 - "TSCĐ vô hình". Phương pháp khấu hao: Theo đường thẳng.*
- 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:
  - Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
  - Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:
    - Theo số tiền thực trả khi mua chứng khoán bao gồm cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán theo Chuẩn mực kế toán số 07 - "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và các chế độ kế toán hiện hành.
    - Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: ghi nhận theo giá gốc
  - Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán đầu tư dài hạn bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn, ngắn hạn. Việc lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn, ngắn hạn phải theo quy định của chuẩn mực kế toán và cơ chế quản lý tài chính
- 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Có phân biệt từng khoản vay, chi phí đi vay được vốn hoá khi có đủ điều kiện được thực hiện theo quy định Chuẩn mực kế toán số 16 - "Chi phí đi vay"
  - Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường Hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.
- 7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí
  - Chi phí trả trước: Chi phí tiền khuyến mãi cho khách hàng thực hiện doanh số bán qui định trên Hợp đồng mua bán có thời hạn
  - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Phương pháp đường thẳng
- 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 07 - "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết", Chuẩn mực kế toán số 16 - "Chi phí đi vay", các khoản trích trước vào chi phí SXKD phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ theo Chuẩn mực số 01 - "Chuẩn mực chung".
- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: Các khoản dự phòng phải trả phải thoã mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".



10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu; Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành bổ sung hoặc tài phát hành cổ phiếu quy.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận phân ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ hoạt động sxkd đã trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng: Việc ghi nhận doanh thu bán hàng có tuân thủ 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác"

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ có tuân thủ đầy đủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác"

- Doanh thu hoạt động tài chính: Việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính có tuân thủ đầy đủ 02 điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu hợp đồng xây dựng: chưa có

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ (không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính)

13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán  
(Đơn vị tính: đồng VN)

01- Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền mặt

- Tiền gửi ngân hàng

- Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng trở xuống)

Cộng

Cuối kỳ

Đầu năm

671,603,000

167,623,000

688,676,045

224,430,024

53,700,000,000

16,788,046,000

55,060,279,045

17,180,099,024

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cho vay ngắn hạn:

Cuối kỳ	Đầu năm
3,000,000,000	6,650,000,000

+ Công ty CP TM DV Lưu Dài Ven Sông theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 03/06/112011/HTV/RVP-KHA ngày 06/11/2011: 2.900.000.000 đồng, lãi suất điều chỉnh theo tăng thời điểm.  
+ Công ty CP TVTK Khánh Hội - Căn Nhà Mờ Ước theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 03/07062012/HTV/KHA-KHD ngày 07/06/2012: 100.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm

- Tiền gửi có kỳ hạn

Cộng

4,000,000,000	4,000,000,000
<b>7,000,000,000</b>	<b>10,650,000,000</b>

03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Phải thu khách hàng

Trả trước người bán

Phải thu nội bộ

Phải thu khác

Dự phòng phải thu khó đòi (-)

Tổng cộng

Phải thu khách hàng chi tiết như sau:

Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH2

Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư KH3

Phải thu hoạt động cho thuê mặt bằng + điện nước chi hộ

Phải thu hoạt động bán văn phòng Chung cư Khánh hội 2

Phải thu tiền chuyển nhượng vốn (Công ty tại Bình Dương)

Phải thu khác

Tổng cộng

Cuối kỳ	Đầu năm
1,473,890,723	2,075,455,342
6,912,344,071	4,507,149,876
2,158,085,922	6,462,869,948
21,257,505,189	21,257,505,189
-	9,000,000,000
3,233,815,041	3,220,054,996
<b>35,035,640,946</b>	<b>46,523,035,351</b>

04- Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu

- Công cụ, dụng cụ

- Chi phí Sản xuất, kinh doanh dở dang (\*)

- Thành phẩm (phần còn lại CCKH2)

- Hàng hóa

- Hàng hoá bất động sản

-	-
167,020,271,903	158,570,799,142
252,038,099	422,696,075
53,830,808	129,080,908
-	3,166,855,976
<b>167,326,140,810</b>	<b>162,289,432,101</b>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	
<b>167,326,140,810</b>	<b>162,289,432,101</b>
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	
<b>167,326,140,810</b>	<b>162,289,432,101</b>

(\*) Chi tiết khoản mục Chi phí SX dở dang: Chủ yếu là chi phí xây dựng của các dự án

- Chi phí xây dựng của các dự án			
+ Dự án Khahomex-Sovico Tower (56 Bến Vân Đồn)	136,038,783,135	123,783,639,505	
+ Dự án Tân Thời Hiệp - Học môn (Chung cư Khánh hội 4)	13,798,517,972	13,798,143,502	
+ Dự án Chung cư Khánh Hội 3 (360 Bis Bến Vân Đồn)	15,736,491,931	19,542,780,121	
+ Các dự án khác	1,446,478,865	1,446,236,014	
- Chi phí SX dở dang hoạt động chế biến Lâm sản			
<b>Cộng</b>	<b>167,020,271,903</b>	<b>158,570,799,142</b>	
<b>05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>			
- Thuế xuất nhập khẩu	-		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	789,955,104	1,846,158,081	
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất nộp trước	-		
<b>Cộng</b>	<b>789,955,104</b>	<b>1,846,158,081</b>	
<b>06- Phải thu dài hạn</b>			
- Vốn đầu tư vào đơn vị nội bộ	-		
<b>Cộng</b>	-		
<b>07- Phải thu dài hạn khác</b>			
<b>Cuối kỳ</b>	-	<b>Đầu năm</b>	-

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCD hữu hình</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4,102,225,939</b>	<b>1,003,557,058</b>	<b>1,760,320,086</b>	<b>478,287,059</b>	<b>433,634,906</b>	<b>7,778,025,048</b>
- Mua trong năm	383,171,000	104,392,500	36,818,182			524,381,682
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	51,358,480					51,358,480
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(502,549,785)	(36,818,182)	(131,222,500)	(32,667,286)	(703,257,753)
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4,536,755,419</b>	<b>605,399,773</b>	<b>1,760,320,086</b>	<b>347,064,559</b>	<b>400,967,620</b>	<b>7,650,507,457</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2,390,020,916</b>	<b>932,737,579</b>	<b>565,091,418</b>	<b>295,111,480</b>	<b>404,636,718</b>	<b>4,579,376,903</b>
- Khấu hao trong năm	150,511,105	58,542,064	147,485,673	90,655,866	10,874,322	458,069,030
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(476,788,101)		(124,680,055)	(32,667,286)	(634,135,442)
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2,540,532,021</b>	<b>514,491,542</b>	<b>712,577,091</b>	<b>261,087,291</b>	<b>382,843,754</b>	<b>4,403,310,491</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCD hữu hình</b>						
- Tại ngày đầu năm	1,712,205,023	70,819,479	1,195,228,668	183,175,579	28,998,188	3,198,648,145
- Tại ngày cuối năm	1,996,223,398	90,908,231	1,047,742,995	85,977,268	18,123,866	3,247,196,966

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCD hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

**2,994,653,105**

- Nguyên giá TSCD cuối năm chờ thanh lý:

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

(Không phát sinh)

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCD vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCD vô hình						
Số dư đầu năm	-	-	-	255,821,000		255,821,000
- Mua trong năm						-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán				(21,821,000)		(21,821,000)
- Giảm khác (chuyển sang BDS đầu tư)						
Số dư cuối năm	-	-	-	234,000,000		234,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	231,821,000		231,821,000
- Khấu hao trong năm				9,000,000		9,000,000
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán				(21,821,000)		(21,821,000)
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	-	-	-	219,000,000		219,000,000
Giá trị còn lại của TSCD vô hình						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	24,000,000		24,000,000
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	15,000,000		15,000,000

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Tổng số chi phí XD/CB dở dang:

Cuối kỳ	Đầu năm
-	-

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	- Quyền sử dụng đất	- Nhà	- Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
Số dư đầu năm	-	26,718,435,107	14,301,610,416	41,020,045,523
- Mua trong năm		56,012,727		56,012,727
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				-
- Chuyển từ TSCD HH sang				-
- Chuyển từ TSCD VH sang				-
- Chuyển từ Hàng hóa BDS sang			3,038,488,000	3,038,488,000
- Thanh lý, nhượng bán, góp vốn				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	-	26,774,447,834	17,340,098,416	44,114,546,250
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	17,201,157,162	3,242,740,273	20,443,897,435
- Khấu hao trong năm		687,350,700	296,862,350	984,213,050
- Chuyển từ TSCD HH sang				
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	-	17,888,507,862	3,539,602,623	21,428,110,485
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	9,517,277,945	11,058,870,143	20,576,148,088
- Tại ngày cuối năm	-	8,885,939,972	13,800,495,793	22,686,435,765

13- Đầu tư dài hạn :

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty con (Tỷ lệ góp vốn : 100%) ( Công ty TNHH ITV Mầm Non Khánh Hội)	16,000,000,000	16,000,000,000
- Đầu tư vào công ty con (Tỷ lệ góp vốn : 100%) ( Công ty TNHH ITV Sản giao dịch BDS Khánh Hội)	6,000,000,000	6,000,000,000
- Đầu tư vào công ty con (Tỷ lệ góp vốn: 55%) ( Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Khánh Hội)	5,500,000,000	5,500,000,000
- Đầu tư vào công ty con (Tỷ lệ góp vốn : 51%) ( Công ty TNHH DVTH Khánh Hội Savico)	3,060,000,000	3,060,000,000
- Đầu tư vào công ty con (Tỷ lệ góp vốn : 100%) ( Công ty TNHH Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội)	2,000,000,000	2,000,000,000
- Đầu tư vào công ty con (Tỷ lệ góp vốn: 55%) ( Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Khánh Hội)	5,500,000,000	5,500,000,000
- <b>Đầu tư dài hạn khác:</b>	<b>83,579,809,154</b>	<b>84,574,289,154</b>
+ Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu (*)	41,247,366,666	41,247,366,666
+ Đầu tư dài hạn khác:		
( Công ty SXKD Hàng Xuất Khẩu Tân Bình (TITCO)-Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu, Quận Tân Phú)	1,950,000,000	1,950,000,000
( Công ty CP Thương Mại Học Môn - Dự án Xuân Thới Đông Học Môn)	38,549,949,768	39,544,429,768
( Công ty Dịch Vụ Công Ích Q.4 - Dự án Chung cư KH3 )	1,832,492,720	1,832,492,720
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (*)	(15,943,586,666)	(15,943,586,666)
<b>Cộng</b>	<b>105,696,222,488</b>	<b>106,690,702,488</b>

(\*) Chi tiết Đầu tư cổ phiếu :

Tên đơn vị đã đầu tư cổ phiếu	Cuối kỳ		Đầu năm		Chi tiết trích lập dự phòng cuối kỳ
	Số lượng	Giá Trị	Số lượng	Giá Trị	
- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển TMại Cù Chi (Đã niêm yết)	372,920	16,159,866,666	372,920	16,159,866,666	12,803,586,666
- Công ty CP Căn Nhà Mơ Ước Đông Nam	600,000	12,000,000,000	600,000	12,000,000,000	2,400,000,000
- Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng Phú Nhuận	99,721	825,000,000	94,972	825,000,000	40,000,000
- Công ty CP Thương Mại Phú Nhuận	150,000	4,100,000,000	150,000	4,100,000,000	700,000,000
- Công ty CP DL Bến Thành Long Hải	150,000	1,950,000,000	150,000	1,950,000,000	-
- Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông	367,500	3,675,000,000	367,500	3,675,000,000	-
- Công ty CP Sản BDS Bến Thành	100,000	1,000,000,000	100,000	1,000,000,000	-
- Công ty CP TMDV Ô tô Bến Thành	120,000	1,200,000,000	120,000	1,200,000,000	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1,960,141</b>	<b>40,909,866,666</b>	<b>1,955,392</b>	<b>40,909,866,666</b>	<b>15,943,586,666</b>

Ghi chú: Số lượng đầu tư cổ phiếu tăng so với đầu năm 4.748 cổ phiếu do Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng Phí Nhuận trả cổ tức bằng cổ phiếu.

14- Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí trả trước về thuế hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí khác (chủ yếu công cụ dài hạn chờ phân bổ)	902,682,849	82,571,510
<b>Cộng</b>	<b>902,682,849</b>	<b>82,571,510</b>

15- Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn (Ngân hàng)	-	1,500,000,000
- Vay ngắn hạn (Cá nhân + Công Đoàn Công ty)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1,500,000,000</b>

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	3,200,257,636	643,193,360
- Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển quyền sử dụng đất	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8,544,286	38,560,386
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	566,769,964
- Thuế TNDN tạm tính (2% doanh thu nhận được)	(400,000,000)	-
<b>Cộng</b>	<b>2,808,801,922</b>	<b>1,248,523,710</b>

17- Chi phí phải trả

- Chi hỗ trợ bồi thường tài định cư	-	-
- Chi phí phải trả khác (Chi phí xây dựng, phí chốt danh sách cổ đông, kiểm toán, điện nước...)	80,986,133	69,750,000
<b>Cộng</b>	<b>80,986,133</b>	<b>69,750,000</b>

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Bảo hiểm xã hội, KP CB	5,736,603	-
- Bảo hiểm y tế	4,056,592	4,056,592
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,500,000	5,500,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	84,466,746,829	83,275,446,727
<b>Cộng</b>	<b>84,482,040,024</b>	<b>83,285,003,319</b>



Các khoản phải trả, phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm			
Tiền đầu tư dự án cao ốc 56 Bến Vân Đồn (Nhận vốn góp dự án - Cty CP Tổng Hợp Sài Gòn)	51,968,039,922	51,968,039,922			
Tiền đầu tư dự án Chung cư Khánh Hội 4 -Hóc môn (Nhận vốn góp dự án - Cty CP Thương Mại Học Môn)	6,809,925,000	6,809,925,000			
Cổ tức phải trả năm 2011	30,560,500	6,586,719,500			
Tiền 2% bảo trì căn hộ, lệ phí trước bạ CCKH2	4,952,037,556	5,423,498,335			
Tiền 2% bảo trì CCKH2 - Khu văn phòng	602,283,686	602,283,686			
Tiền 2% bảo trì căn hộ CCKH3	1,886,433,066	1,756,685,258			
Tiền căn hộ CCKH3 thu trước (căn hộ tái định cư)	17,990,161,000	10,000,000,000			
Khác	227,306,099	128,295,026			
<b>Cộng</b>	<b>84,466,746,829</b>	<b>83,275,446,727</b>			
<b>19- Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>					
- Quỹ khen thưởng	Đầu năm	Tăng do trích lập các quỹ	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Cuối kỳ
	5,136,323,679	544,502,569		(511,707,500)	5,169,118,748
- Quỹ phúc lợi	1,881,146,243	557,492,075		(841,325,395)	1,597,312,923
- Quỹ thưởng Ban quản lý, ban điều hành	1,407,122,089		24,035,000	(1,009,125,200)	422,031,889
<b>Cộng</b>	<b>8,424,592,011</b>	<b>1,101,994,644</b>	<b>24,035,000</b>	<b>(2,362,158,095)</b>	<b>7,188,463,560</b>
<b>20- Phải trả dài hạn khác</b>					
- Phải trả dài hạn (Vốn góp hợp tác kinh doanh)	-	-	-	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Các mặt Bằng cho thuê)	3,281,085,851	3,156,451,308			
<b>Cộng</b>	<b>3,281,085,851</b>	<b>3,156,451,308</b>			

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Các quỹ	Lợi nhuận còn lại	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	141,203,090,000	95,682,643,118	-	-	-	27,357,917,417	33,537,118,716	-	285,197,718,172
- Tăng vốn trong năm trước									-
- Lãi trong năm trước									-
- Tăng khác				(9,603,086,062)			20,725,012,485		11,121,926,423
- Giảm vốn trong năm trước									-
- Chia cổ tức							(27,288,748,000)		(27,288,748,000)
- Trích lập các quỹ						9,065,307,009	(12,238,164,462)		(3,172,857,453)
- Giảm khác									-
Số dư cuối năm trước	141,203,090,000	95,682,643,118	-	(9,603,086,062)	-	36,423,224,426	14,735,218,739	-	278,441,090,221
Số dư đầu năm nay									-
- Tăng vốn trong năm nay									-
- Lãi trong năm nay							20,915,070,072		20,915,070,072
- Tăng do mua cổ phiếu quỹ				(3,773,272,445)					(3,773,272,445)
- Tăng khác									-
- Giảm vốn trong năm nay									-
- Chia cổ tức							(12,795,466,500)		(12,795,466,500)
- Trích lập các quỹ						3,899,511,485	(5,013,657,623)		(1,114,146,138)
- Giảm khác							(98,071,847)		(98,071,847)
Số dư cuối năm nay	141,203,090,000	95,682,643,118	-	(13,376,358,507)	-	40,322,735,911	17,743,092,841	-	281,575,203,363

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	39,858,870,000	35,282,870,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	101,344,220,000	105,920,220,000
<b>Cộng</b>	<b>141,203,090,000</b>	<b>141,203,090,000</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quy:	1,351,870	951,870
--------------------------	-----------	---------

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	141,203,090,000	141,203,090,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<b>141,203,090,000</b>	<b>141,203,090,000</b>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d- Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

**d- Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

	Cuối kỳ	Đầu năm
--	---------	---------

14,120,309 14,120,309

14,120,309 14,120,309

14,120,309 14,120,309

- 951,870

1,351,870 951,870

- 12,768,439

12,768,439 13,168,439

12,768,439 13,168,439

- -

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 (đồng)

- e- Các quỹ của doanh nghiệp:
- Quỹ đầu tư phát triển
  - Quỹ dự phòng tài chính
  - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	20,020,281,004	17,234,915,658
- Quỹ dự phòng tài chính	20,302,454,907	19,188,308,768
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40,322,735,911</b>	<b>36,423,224,426</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quy định tư phát triển: Tài đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Quy định phòng tài chính: Phòng ngừa những biến động bất thường về tài chính.

23- Nguồn kinh phí

24- Tài sản thuê ngoài

	Năm nay	Năm trước
Năm nay		
Năm nay		

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

	Q.3-Năm nay	Q.3-Năm trước	L/Kế năm nay	L/Kế năm trước
+ Trong đó:				
- Doanh thu thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	9,810,046,314	8,501,817,223	10,962,185,156	46,836,666,023
- Doanh thu kinh doanh BDS đầu tư	6,216,097,540	5,814,956,626	17,892,410,059	17,725,538,280
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	1,889,509,024	1,946,495,534	1,889,509,024	10,464,292,148
<b>Cộng</b>	<b>17,915,652,878</b>	<b>16,263,269,383</b>	<b>30,744,104,239</b>	<b>75,026,496,451</b>

26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

	Q.3-Năm nay	Q.3-Năm trước	L/Kế năm nay	L/Kế năm trước
+ Trong đó:				
- Hàng bán bị trả lại (**)	-	3,938,480,000	-	18,076,973,000
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>3,938,480,000</b>	<b>0</b>	<b>18,076,973,000</b>

(\*\*): Khách hàng trả lại căn hộ chung cư đã mua.

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10) , Trong đó:

	Q.3-Năm nay	Q.3-Năm trước	L/Kế năm nay	L/Kế năm trước
- Doanh thu thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	9,810,046,314	5,332,210,319	10,962,185,156	31,675,293,880
- Doanh thu kinh doanh BDS đầu tư	6,216,097,540	5,814,956,626	17,892,410,059	17,725,538,280
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	1,889,509,024	1,177,622,438	1,889,509,024	7,548,691,291
<b>Cộng</b>	<b>17,915,652,878</b>	<b>12,324,789,383</b>	<b>30,744,104,239</b>	<b>56,949,523,451</b>

<b>28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>		<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Kế năm nay</b>	<b>L/Kế năm trước</b>
- Giá vốn của thành phẩm, hóa, dịch vụ đã bán		3,699,549,123	5,210,534,481	5,827,744,279	24,993,848,752
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		327,776,638	892,136,818	-	-
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư		1,844,528,612	1,945,995,845	1,935,436,874	2,719,052,704
- Giá vốn của chuyển quyền sử dụng đất		-	(1,987,603,010)	1,844,528,612	8,315,429,168
- Giá vốn của hàng bán bị trả lại		-	-	-	(1,987,603,010)
<b>Cộng</b>		<b>5,871,854,373</b>	<b>6,061,064,134</b>	<b>9,607,709,765</b>	<b>34,040,727,614</b>
<b>29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>		<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Kế năm nay</b>	<b>L/Kế năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		2,159,737,917	1,065,995,172	6,241,730,079	2,684,000,937
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)		373,617,734	447,920,000	3,679,367,116	1,130,657,403
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		-	-	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	-	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm		-	62,445,104	498,596,576	149,933,280
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		-	-	33,750,000	33,750,000
<b>Cộng</b>		<b>2,533,355,651</b>	<b>1,576,360,276</b>	<b>10,453,443,771</b>	<b>3,998,341,620</b>
<b>30- Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>		<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Kế năm nay</b>	<b>L/Kế năm trước</b>
- Lãi tiền vay		7,180,556	71,402,776	35,791,667	140,665,108
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		-	-	-	38,878,310
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		-	-	14,256,000	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-	-	2,610,440,000
- Chi phí tài chính khác		-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>7,180,556</b>	<b>71,402,776</b>	<b>50,047,667</b>	<b>2,789,983,418</b>
<b>31- Chi phí bán hàng (Mã số 24)</b>		<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Kế năm nay</b>	<b>L/Kế năm trước</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		89,525,414	88,046,595	188,968,913	583,245,755
- Chi phí bằng tiền khác		-	-	-	2,500,000
<b>Cộng</b>		<b>89,525,414</b>	<b>88,046,595</b>	<b>188,968,913</b>	<b>585,745,755</b>

<b>32- Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)</b>	<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Ké năm nay</b>	<b>L/Ké năm trước</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	942,277,022	846,337,112	2,836,793,001	2,383,103,307
- Chi phí đồ dùng văn phòng	60,387,509	55,490,366	172,810,290	139,085,577
- Chi phí khấu hao TSCĐ	138,941,774	117,683,140	393,084,978	313,142,037
- Thuế, phí và lệ phí	-	-	6,000,000	17,834,026
- Chi phí dự phòng	-	-	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	139,731,838	219,175,985	609,195,194	535,759,818
- Chi phí hàng tiền khác	312,730,422	557,769,585	1,292,684,352	1,906,895,387
<b>Cộng</b>	<b>1,594,068,565</b>	<b>1,796,456,188</b>	<b>5,310,567,815</b>	<b>5,295,820,152</b>
<b>33- Thu nhập khác (Mã số 31)</b>	<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Ké năm nay</b>	<b>L/Ké năm trước</b>
- Thu thanh lý tài sản cố định	84,465,318	35,705,552	95,391,882	288,027,114
- Thu nhập khác	1,459,224,065	1,218,645,960	4,268,750,317	3,611,448,505
<b>Cộng</b>	<b>1,543,689,383</b>	<b>1,254,351,512</b>	<b>4,364,142,199</b>	<b>3,899,475,619</b>
<b>34- Chi phí khác (Mã số 32)</b>	<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Ké năm nay</b>	<b>L/Ké năm trước</b>
- Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	63,888,355	28,365,467	71,202,311	174,001,705
- Chi phí khác	1,211,243,606	875,926,902	3,622,383,191	2,378,635,467
<b>Cộng</b>	<b>1,275,131,961</b>	<b>904,292,369</b>	<b>3,693,585,502</b>	<b>2,552,637,172</b>
<b>35- C. phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)</b>	<b>Q.3-Năm nay</b>	<b>Q.3-Năm trước</b>	<b>L/Ké năm nay</b>	<b>L/Ké năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của hoạt động SXKD	13,154,937,043	6,234,239,109	26,710,810,547	19,582,426,579
<b>Lợi nhuận trước thuế của hoạt động SXKD chính</b>	<b>13,154,937,043</b>	<b>6,234,239,109</b>	<b>26,710,810,547</b>	<b>19,580,791,049</b>
+ Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	19,711,233	21,127,073	110,449,472	109,072,408
+ Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(373,617,734)	(447,920,000)	(3,645,617,116)	(1,130,657,403)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế</b>	<b>12,801,030,542</b>	<b>5,807,446,182</b>	<b>23,175,642,903</b>	<b>18,559,206,054</b>
+ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	25%	25%
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	3,200,257,636	1,451,861,546	5,793,910,726	4,639,801,514
<b>Lợi nhuận trước thuế của hoạt động chuyển quyền sử dụng đất</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,635,530</b>
+ Thuế TNDN phải nộp chuyển quyền sử dụng đất	-	-	0	408,883
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (2% thu tiền)	-	-	1,829,749	163,909,832
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung	-	-	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3,200,257,636</b>	<b>1,451,861,546</b>	<b>5,795,740,475</b>	<b>4,804,120,229</b>

36- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số )	Q.3-Năm nay	Q.3-Năm trước	L/Ké năm nay	L/Ké năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,954,679,407	4,782,377,563	20,915,070,072	14,778,306,350
- Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	12,892,368	13,783,254	12,892,368	13,783,254
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>772</b>	<b>347</b>	<b>1,622</b>	<b>1,060</b>

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

37- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

VIII- Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán :

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

3- Thông tin về các bên liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	Công ty con	100%	16,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch BDS Khánh Hội	Công ty con	100%	6,000,000,000	100%
Công ty CP Tư Vấn TK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	Công ty con	55%	10,000,000,000	55%
Công ty TNHH DV Tổng Hợp Khánh Hội Savico	Công ty con	51%	6,000,000,000	51%
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Khánh Hội	Công ty con	55%	10,000,000,000	55%
Công ty TNHH MTV Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	Công ty con	100%	2,000,000,000	100%

Các giao dịch nội bộ quan trọng giữa

Cty Mẹ và các Cty con trong quý 3 như sau:

Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch BDS Khánh Hội	Phí môi giới, giao dịch qua sàn	Cho thuê mặt bằng văn phòng	Giá trị giao dịch Mua	Giá trị giao dịch Bán
Công ty CP Tư Vấn TK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	Mua bán hàng hóa + Thanh lý tài sản	Cho thuê mặt bằng văn phòng	29,811,984	36,300,000
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Khánh Hội	Cho thuê mặt bằng văn phòng	Cho thuê mặt bằng văn phòng	-	300,000,000
Công ty TNHH MTV Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	Phí dịch vụ quản lý chung cư	Cho thuê mặt bằng giữ xe	942,450,000	56,265,000
				990,999,999
			<b>Cộng</b>	<b>1,383,564,999</b>
			<b>1,190,424,952</b>	

Số dư các khoản Phải thu/ Phải trả cuối kỳ như sau:

	Nội dung	Phải thu cuối kỳ	Phải trả cuối kỳ
Công ty TNHH MTV Sản Giao Dịch BDS Khánh Hội	Tiền điện + nước sử dụng	5,984,447	
	Phí môi giới mua bán căn hộ - phải trả		23,107,392
Công ty CP Tư Vấn TK Khánh Hội Căn Nhà Mơ Ước	Tiền dịch vụ, lãi cho vay	9,173,271	
	Tiền mua văn phòng Chung cư KH2	1,131,704,040	
Công ty TNHH DV Tổng Hợp Khánh Hội Savico			
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Khánh Hội	Tiền mua máy lạnh - phải trả		57,599,968
Công ty TNHH MTV Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	Tiền dịch vụ + Thanh lý tài sản	25,623,638	
		<u>1,172,485,396</u>	<u>80,707,360</u>

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

5- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(2):

6- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):  
- Phần tích biến động Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2012 so với quý 3 năm 2011:

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2012 đạt 9.954.679.407 đồng so với quý 3 năm 2011 là 4.782.377.563 đồng tăng 108%. Do các nguyên nhân sau:  
1. Trong quý 3 năm 2012, Do các căn hộ thuộc chính sách tái định cư tại dự án chung cư Khánh Hội 3 được giải tỏa (14 căn hộ tái định cư) nên Công ty đã thực hiện được doanh thu của 4 căn hộ trong 14 căn hộ tái định cư này và 2 căn hộ còn lại của chung cư Khánh Hội 2. Do đó, doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 17.915.652.878 đồng so với quý 3 năm 2011 là 12.324.789.383 đồng tăng 45,36%.

2. Doanh thu hoạt động tài chính quý 3 năm 2012 đạt 2.533.355.651 đồng so với quý 3 năm 2011 là 1.576.360.276 đồng tăng 60,70%. Do chủ yếu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, lãi cho vay và cổ tức lợi nhuận được chia trong quý 3 năm 2012 tăng so với cùng kỳ năm trước.

7- Thông tin về hoạt động liên tục.

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động kinh doanh của mình.

8- Những thông tin khác.

Người lập biên

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

NGUYỄN THANH NHỰT

QUÁCH TOÀN BÌNH

